

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
1	DMSD1000061	Nguyễn Trường	An		21-04-94	46.12.2999	46.04	46012-46012-46012	1 -	4,25	5,75	3,75	14,00	12130144
2	QSTA 000068	Ngô Quốc	Vinh		12-12-94	50.82.82004	50.08	50820-50820-50820	1 -	2,50	6,75	5,75	15,00	12130145
3	SPKD1000103	Bùi Phú Thanh	Hiền		14-04-93	35.01.8	35.01	35015-35015-35015	2 -	4,75	6,75	3,75	15,50	12130146
4	SPKD1000103	Bùi Phú Thanh	Hiền		14-04-93	35.01.8	35.01	35015-35015-35015	2 -	4,75	6,75	3,75	15,50	12130147
5	QSKA 000125	Nguyễn Thị Tú	Anh	x	10-01-94	47.08.1	47.08	47008-47008-47008	1 -	3,25	4,50	5,50	13,50	12130148
6	QSCA 000131	Phan Tấn	Cần		05-02-94	40.50.582	40.02	40050-40050-40050	1 -	4,00	4,50	5,50	14,00	12130149
7	SPKA 000138	Đinh Viết	Anh		11-09-94	25.77.134	25.10	25077-25077-25077	2NT-06	3,00	5,50	4,50	13,00	12130150
8	GTSA 000147	Nguyễn Tiến	Tùng		19-12-93	98.20.3	43.05	43043-43043-43043	1 -	4,50	5,25	3,75	13,50	12130151
9	KSAA 000154	Lê Quang	Tú		04-05-93	98.20.30	51.11	51040-51040-51040	1 -	4,50	4,75	4,50	14,00	12130152
10	CSSA 000169	Vũ	Bảo		08-08-94	42. .275	42.04	42021-42021-42021	1 -	4,00	4,25	4,50	13,00	12130153
11	CSSD1000176	Phạm Thị	Hòa	x	15-12-94	48. .666	48.11	48046-48046-48046	2NT-	5,50	4,25	4,50	14,50	12130154
12	QSBA 000189	Nguyễn Tuấn	Anh		14-07-94	48.53.612	48.01	48053-48053-48053	2 -	7,25	4,00	4,25	15,50	12130155
13	QSQA 000197	Lê Phan Minh	Đức		24-01-94	02.56.29	02.01	02056-02056-02056	3 -	3,75	6,75	5,50	16,00	12130156
14	SPKD1000260	Nguyễn Minh	Nhã		12-12-90	99.99.1418	39.09	47002-47002-47002	1 -	7,25	3,75	3,00	14,00	12130157
15	QSCA 000315	Đới Sỹ	Đại		12-06-94	48.60.169	48.03	48060-48060-48060	1 -	2,75	5,50	6,00	14,50	12130158
16	DQNA 000383	Trần Thanh	Bình		01-10-94	37.33.3919	37.05	37033-37033-37033	2NT-	4,50	4,50	6,25	15,50	12130159
17	QSTA 000477	Nguyễn Hoàng Long	Nhi		21-10-93	98.21.28	43.01	02061-02061-02061	2 -	6,50	4,75	3,25	14,50	12130160
18	ANSA 000538	Lê Trần Hồng	Đức		20-09-94	53. .0	53.04	- -	2NT-	5,50	4,75	4,75	15,00	12130161
19	SPKA 000653	Văn Công Thanh	Bình		03-04-94	49.08.14	49.12	49008-49008-49008	2NT-	4,00	5,25	4,25	13,50	12130162
20	QSBA 000675	Nguyễn Thành	Chí		06-06-94	48.34.488	47.07	48034-48034-48034	1 -	4,50	5,00	4,00	13,50	12130163
21	QSCA 000773	Đào Gia	Kỳ		03-09-94	48.12.43	48.05	48012-48012-48012	2NT-	4,25	4,75	5,00	14,00	12130164
22	A 000850	Nguyễn Việt	Cường		09-11-94	37.31.0	37.05	- -	2NT-	4,75	4,00	5,25	14,00	12130165
23	SPKA 000974	Nguyễn Xuân	Chương		05-06-94	49.56.1	49.12	49056-49056-49056	1 -	5,00	4,75	3,75	13,50	12130166
24	QSKA 000980	Hồ Thị Dịu	Hiền	x	04-09-94	33.35.0	33.05	33035-33035-33035	2NT-	4,25	6,00	3,75	14,00	12130167
25	NHSA 001029	Nguyễn Thành	Đồng		09-04-93	98.20.1	02.09	02059-02059-02059	2 -	5,00	5,75	3,50	14,50	12130168
26	QSCA 001080	Nguyễn Tri	Ni		26-05-94	53.09.1	53.04	53009-53009-53009	2NT-	4,75	4,25	4,25	13,50	12130169
27	ANSA 001239	Nguyễn Thành	Long		20-04-94	42. .0	42.10	- -	1 -	3,50	5,25	5,50	14,50	12130170
28	QSTA 001291	Trần Đình	Tài		25-10-90	48.00.1	48.01	48047-48047-48047	2 -	5,50	5,50	4,50	15,50	12130171
29	QSCA 001291	Phạm Tấn	Tài		08-07-94	02.54.4	02.16	02054-02054-02054	3 -04	4,25	4,25	3,75	12,50	12130172
30	LPSA 001348	Trần Thị Thu	Huệ	x	27-03-94	40.11.0	40.06	- -	1 -	5,75	4,50	4,50	15,00	12130173

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
31	QSCA 001349	Vòng Long	Tắc		01-01-94	48.65.176	48.10	48065-48065-48065	1 -01	4,00	3,25	4,75	12,00	12130174
32	QSCA 001438	Lê Văn	Thiệt		- -92	43.16.236	43.05	43016-43016-43016	1 -	3,50	6,00	4,75	14,50	12130175
33	QSCA 001605	Vân Thị Mỹ	Trình	x	12-09-94	43.18.444	43.06	43018-43018-43018	1 -	3,50	3,75	5,50	13,00	12130176
34	ANSA 001619	Hồ Thị Mông	Oanh	x	20-07-94	48. .0	48.07	- -	1 -	5,50	4,75	5,25	15,50	12130177
35	QSKA 001751	Nguyễn Thị Trúc	Ly	x	03-04-94	42.14.132	42.05	42014-42014-42014	1 -	5,50	3,50	5,50	14,50	12130178
36	QSCA 001876	Nguyễn Thăng	Vương		25-10-94	44.28.2	44.06	44028-44028-44028	1 -	3,25	5,00	4,50	13,00	12130179
37	QSKA 001911	Phan Thị Kim	Nên	x	12-06-94	02.71.1	02.21	02071-02071-02071	2 -	7,25	4,25	4,50	16,00	12130180
38	DMSA 002037	Huỳnh Minh	Đạt		14-08-94	02.42.3	02.12	02042-02042-02042	3 -	3,50	6,00	5,50	15,00	12130181
39	QSCA 002058	Nguyễn Thanh	Hiệp		10-10-94	37.10.46487	37.11	37010-37010-37010	2NT-	4,50	5,50	3,50	13,50	12130182
40	MBSA 002103	Mai Thị Trúc	Linh	x	02-10-94	02.84.21	02.09	02102-02102-02102	3 -	4,75	5,75	4,00	14,50	12130183
41	QSKA 002215	Nguyễn Hữu	Nhiên		03-03-93	40.36.559	40.07	40036-40036-40036	1 -	3,50	4,50	5,50	13,50	12130184
42	DMSA 002259	Trần Văn	Đức		20-07-94	35.20.244	35.05	35020-35020-35020	2NT-	4,50	5,25	4,75	14,50	12130185
43	LPSA 002261	Hồ Thị Bích	Phượng	x	10-05-94	35.50.0	35.05	- -	2 -	6,75	3,50	5,25	15,50	12130186
44	QSTA 002459	Nguyễn Kim	Thịnh		19-07-94	02.42.0	02.12	02042-02042-02042	3 -	4,25	5,50	5,50	15,50	12130187
45	LPSA 002491	Huỳnh Nhật	Tài		12-01-94	41.12.0	41.03	- -	2NT-	4,75	5,50	4,50	15,00	12130188
46	DMSD1002647	Phạm Ngọc	Hiếu	x	20-07-93	99.99.1410	49.10	49003-49003-49003	2NT-	4,00	6,75	3,75	14,50	12130189
47	CSSA 002654	Trần Nguyễn Minh	Tân		16-03-94	52. .139	52.04	52005-52005-52005	2NT-	6,00	3,25	4,25	13,50	12130190
48	QSTA 002756	Trần Lê Hoàng	Thảo		21-08-94	02.53.0	02.16	02053-02053-02053	3 -	3,75	4,50	7,00	15,50	12130191
49	LPSA 002782	Châu Duy	Thiện		04-09-91	99.99.0	43.07	- -	1 -	7,00	3,25	5,25	15,50	12130192
50	QSTA 002819	Nguyễn Phú	Sỹ		29-05-94	47.02.1	47.02	47002-47002-47002	1 -	3,25	4,50	5,00	13,00	12130193
51	KSAA 002859	Lê Thị	Hồng	x	15-02-94	63.05.319	63.05	63005-63005-63005	1 -	4,25	4,50	4,50	13,50	12130194
52	QSBA 002949	Trần Xuân	Hung		16-10-93	99.99.367	48.02	48036-48036-48036	1 -	3,25	6,50	3,50	13,50	12130195
53	SPSA 003034	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	x	29-03-94	. 509	32.04	32024-32024-32024	2 -	5,75	6,75	5,75	18,50	12130196
54	NLSA 003129	Trần Trung	Hậu		29-08-94	46.25.654	46.04	46025-46025-46025	1 -	4,50	4,25	5,25	14,00	12130197
55	QHIA 003148	Đặng Đức	Hiếu		26-02-94	21.20.11653	.	- -	2NT-	5,75	4,00	5,50	15,50	12130198
56	DMSD1003175	Lê Huỳnh Khắc	Huy		28-10-94	46.12.3002	46.01	46012-46012-46012	1 -	4,50	4,50	4,25	13,50	12130199
57	MBSA 003213	Lê Hoàng	Phúc		03-10-94	02.48.0	02.12	02048-02048-02048	3 -	4,75	5,25	4,75	15,00	12130200
58	LPSA 003304	Nguyễn Thị Huyền	Trần	x	22-09-94	53.01.0	53.03	- -	2NT-	4,75	4,25	4,50	13,50	12130201
59	SPKA 003390	Trần Ngọc	Hiệp		21-07-94	41.43.207	41.04	41043-41043-41043	2NT-	5,00	4,50	3,75	13,50	12130202
60	LPSA 003409	Nguyễn Thanh	Truyền		02-07-93	98.21.60	56.08	56044-56044-56044	1 -	5,25	5,25	3,50	14,00	12130203

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỌ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
61	LPSA 003494	Lại Thị Phương	Tuyết	x	23-05-94	47.06.0	47.10	- -	1 -	4,75	3,75	5,25	14,00	12130204
62	KSAA 003507	Phạm Thị Kiều	My	x	09-05-94	02.56.125	48.09	02056-02056-02056	3 -	5,25	4,50	5,50	15,50	12130205
63	SGDA 003550	Vũ Văn	Hạnh		20-04-89	99.99.2408	28.24	46014-28121-28121	2NT-	5,50	3,50	4,25	13,50	12130206
64	QSTA 003745	Nguyễn Quốc	Thắng		16-08-92	98.11.46	42.01	42004-42004-42004	1 -	6,50	4,75	2,50	14,00	12130207
65	QSTA 003851	Nguyễn Việt	Dũng		27-07-94	48.03.51	48.01	48003-48003-48003	2 -	4,00	5,50	5,50	15,00	12130208
66	SPSA 003902	Trần Đăng	Quý		10-01-93	98.05.161	48.10	48011-48011-48011	2NT-	4,50	5,50	5,00	15,00	12130209
67	KSAA 003909	Nguyễn Chí	Hiếu		18-09-94	28.75.146	28.22	28085-28085-28085	2NT-	4,75	5,50	6,50	17,00	12130210
68	NHSA 003912	Lê Trúc	Phương	x	27-01-94	46.14.3631	46.06	46014-46014-46014	1 -	5,00	3,00	5,25	13,50	12130211
69	NHSA 003930	Nguyễn Thị Hoài	Phương	x	19-12-94	47.26.2	47.08	47026-47026-47026	1 -	5,00	4,25	5,00	14,50	12130212
70	QSTA 004009	Võ Duy	Đương		20-11-94	35.24.269	35.07	35024-35024-35024	2NT-	5,00	5,00	6,00	16,00	12130213
71	QSKA 004123	Trần Thị Diễm	Xuân	x	28-12-94	53.11.1	53.05	53011-53011-53011	2NT-	4,50	4,75	5,25	14,50	12130214
72	DMSD1004146	Phạm Trần Diễm	Liên	x	06-09-94	42.46.904	42.02	42046-42046-42046	1 -	5,50	3,50	5,50	14,50	12130215
73	SPKA 004158	Tổng Phước	Huy		30-06-92	52.14.33	52.07	52014-52014-52014	2NT-	5,75	4,00	3,75	13,50	12130216
74	QSTA 004247	Nguyễn Trung	Hiếu		26-11-94	38.54.1	38.15	38045-38045-38045	1 -	4,00	5,50	5,00	14,50	12130217
75	KSAA 004412	Huỳnh Thị Ngọc	Trần	x	20-12-93	98.21.78	45.04	45009-45009-45009	2 -	3,50	6,00	4,50	14,00	12130218
76	NHSA 004790	Phan Vũ Phi	Thiên		20-04-94	40.15.860	40.08	40015-40015-40015	1 -	4,75	5,50	3,50	14,00	12130219
77	QSDX1005145	Đặng Phan Tấn	Phát		07-09-94	59.18.7671	59.05	59018-59018-59018	1 -	4,50	6,50	4,00	15,00	12130220
78	QSBA 005155	Phạm Văn Nam Thành	Phong		21-09-94	49.04.9	49.11	49004-49004-49004	2NT-	5,75	5,25	2,50	13,50	12130221
79	DMSA 005157	Trần Thị	Lan	x	18-08-94	02.40.77	02.12	02040-02040-02040	3 -	4,00	5,00	5,25	14,50	12130222
80	NHSA 005252	Thái Thị Cẩm	Tiên	x	07-04-94	51.02.3	51.08	51002-51002-51002	2 -	5,25	5,50	5,25	16,00	12130223
81	QSDX1005384	Phạm Thị Diễm	Hương	x	28-09-94	37.45.48562	37.02	37045-37045-37045	1 -	6,75	2,50	4,75	14,00	12130224
82	QSTA 005552	Nguyễn Minh	Trung		18-07-94	48.13.144	48.10	48013-48013-48013	2NT-	5,50	4,00	4,25	14,00	12130225
83	SPKA 005600	Nguyễn Thị Thùy	Linh	x	25-07-94	49.10.27	49.13	49010-49010-49010	2NT-	4,00	4,75	4,50	13,50	12130226
84	QSBA 005660	Nguyễn Bảo	Quốc		25-09-94	02.59.2	02.18	02059-02059-02059	2 -	5,25	4,50	6,25	16,00	12130227
85	QSTA 005693	Nguyễn Trung	Hải		03-01-94	48.34.320	48.03	48034-48034-48034	1 -	2,50	4,50	6,00	13,00	12130228
86	NHSA 005760	Hồ Bảo	Trung		22-07-93	99.99.53	48.07	48021-48021-48021	1 -	4,75	4,00	5,50	14,50	12130229
87	QSDX1005827	Nguyễn Bá	Tiến		06-09-94	30.13.984	38.01	30013-30013-30013	2NT-	6,25	4,00	5,25	15,50	12130230
88	NHSA 005863	Nguyễn Thanh	Trực		08-08-94	46.26.3686	46.05	46026-46026-46026	1 -	4,50	5,50	2,75	13,00	12130231
89	QSDX1006006	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	x	20-01-94	49.08.14	49.12	49008-49008-49008	2NT-	5,00	4,50	4,50	14,00	12130232
90	DTTA 006074	Võ Minh	Trung		02-03-92	99.99.1036	37.04	37038-37038-37038	2NT-	4,75	4,50	4,25	13,50	12130233

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
91	NHSA 006158	Phạm Thị Tố	Uyên	x	01-09-93	63.05.356	63.05	63005-63005-63005	1 -	3,75	3,75	5,50	13,00	12130234
92	QSTA 006180	Nguyễn Văn	Duy		22-12-93	25.28.39	25.04	25028-25028-25028	2NT-	5,25	4,25	3,75	13,50	12130235
93	SPKA 006253	Hoàng Đức	Mạnh		01-12-94	48.68.1773	48.07	48068-48068-48068	1 -	3,75	5,25	4,00	13,00	12130236
94	SGDA 006313	Nguyễn Thị	Lan	x	09-07-94	40.14.266	40.04	40014-40014-40014	1 -	4,25	4,50	4,00	13,00	12130237
95	SPKA 006430	Nguyễn Đức	Minh		14-03-94	49.56.2	49.12	49056-49056-49056	1 -	4,50	4,75	4,00	13,50	12130238
96	DMSA 006447	Nguyễn Thị	Mai	x	30-09-94	50.91.91006	50.09	50910-50910-50910	1 -	3,75	5,25	4,50	13,50	12130239
97	KSAA 006612	Trần Quốc	Thịnh		- 94	50.42.42004	50.04	50420-50420-50420	1 -	5,25	3,75	4,75	14,00	12130240
98	QSBA 006738	Ngô Minh	Thiện		08-01-94	53.G3.0	49.04	53003-53003-53003	1 -	4,00	5,75	4,00	14,00	12130241
99	QSTA 006926	Bùi Trung	Hiếu		23-03-94	55.35.26	55.07	55035-55035-55035	2 -	4,25	4,50	5,75	14,50	12130242
100	GTSA 007095	Bùi Bảo	Ngọc		12-04-94	02.48.18	02.22	02048-02048-02048	3 -	5,00	3,75	5,50	14,50	12130243
101	DMSD1007106	Lê Quốc	Phú		01-11-94	56.44.316	56.08	56044-56044-56044	1 -	5,00	4,75	3,50	13,50	12130244
102	NHSA 007205	Phạm Phú	Phúc		07-10-94	35.15.32	35.01	35015-35015-35015	2 -	5,50	3,75	5,50	15,00	12130245
103	DMSD1007356	Nguyễn Thanh	Phương		29-08-94	46.14.3039	46.04	46014-46014-46014	1 -	4,75	5,50	4,25	14,50	12130246
104	QSDX1007375	La Thị Thu	Hồng	x	07-09-94	02.68.13	02.21	02068-02068-02068	2 -	6,25	4,25	3,75	14,50	12130247
105	NHSA 007437	Vì Đình	Trí		13-02-94	39.06.58	39.07	39006-39006-39006	2NT-	4,50	5,50	6,50	16,50	12130248
106	QSBA 007476	Lê Thị Thanh	Trà	x	05-09-93	98.98.363	39.08	39005-39005-39005	2 -	6,25	4,25	4,75	15,50	12130249
107	QSDX1007583	Đỗ Thị Thanh	Hương	x	01-07-94	48.06.604	48.01	48006-48006-48006	2 -	7,00	6,00	3,50	16,50	12130250
108	DMSD1007672	Lâm Quốc	Quân		10-10-94	53.06.21	53.04	53006-53006-53006	2NT-	5,00	4,75	4,50	14,50	12130251
109	QSBA 007783	Nguyễn Thành	Trung		24-03-94	48.47.571	48.01	48047-48047-48047	2 -	5,50	5,25	4,75	15,50	12130252
110	QSDX1007909	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	x	13-04-94	42.26.451	42.02	42026-42026-42026	1 -	4,75	8,25	6,00	19,00	12130253
111	QSKD1008035	Nguyễn Thế	Anh		11-10-94	02.83.88	44.01	02106-02105-02105	3 -	5,25	5,25	4,50	15,00	12130254
112	TCTA 008073	Trương Minh	Hậu		29-07-94	50.G0.92050	49.14	50920-50920-50920	1 -	6,25	3,25	3,50	13,00	12130255
113	QSKD1008150	Phạm Văn	Bình		17-10-93	02.43.3	02.13	02043-02043-02043	3 -	5,50	6,25	3,50	15,50	12130256
114	QSDX1008187	Lâm Thành	Long		10-10-94	47.05.8	47.05	47005-47005-47005	1 -	5,50	6,00	4,00	15,50	12130257
115	QSDX1008196	Phù Hoàng	Long		24-06-93	02.52.0	02.	02052-02052-02052	3 -	5,00	6,75	3,50	15,50	12130258
116	DMSA 008420	Trần Thị Hồng	Nhung	x	22-06-94	48.03.41	48.02	48003-48003-48003	2 -	4,25	5,25	4,50	14,00	12130259
117	QSDX1008439	Trần Ngọc	Mỹ	x	06-11-94	50.71.71002	50.07	50710-50710-50710	1 -	5,75	5,50	4,25	15,50	12130260
118	QSBA 008457	Hoàng	Việt		16-10-94	02.76.24	02.22	02076-02076-02076	2 -	7,00	4,50	4,00	15,50	12130261
119	KSAA 008607	Trần Thịnh	Vượng		12-09-94	48.55.744	48.04	48029-48055-48055	1 -	5,00	4,25	5,25	14,50	12130262
120	QSKD1008621	Mai Hồng	Hạnh	x	05-07-94	02.50.1	02.15	02050-02050-02050	3 -	5,00	7,25	3,50	16,00	12130263

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
121	QSKD1008629	Lý Hồng	Hạnh	x	11-09-91	98.21.107	56.07	56020-56020-56020	2NT-	6,50	4,00	5,50	16,00	12130264
122	QSKD1008692	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	x	09-03-94	56.10.73	56.09	56010-56010-56010	2NT-	5,50	5,50	6,50	17,50	12130265
123	QSKD1008708	Ngô Đình Trung	Hiếu		07-10-94	02.22.5	02.06	02022-02022-02022	3 -	5,25	7,50	3,50	16,50	12130266
124	QSKD1008798	Nguyễn Duy	Hoài		24-01-94	41.30.620	41.06	41030-41030-41030	2 -	4,50	5,75	4,50	15,00	12130267
125	QSBA 008843	Lê Thị Hải	Yến	x	15-10-93	28.15.8	28.15	28045-28045-28045	2NT-	6,00	4,25	3,00	13,50	12130268
126	KSAA 008859	Nguyễn Tiến	Tuấn		09-03-94	40.15.737	40.08	40015-40015-40015	1 -	6,00	4,75	5,50	16,50	12130269
127	SPKA 008891	Hồ Xuân	Quý		26-07-94	47.11.1	47.10	47011-47011-47011	1 -	2,75	5,50	4,50	13,00	12130270
128	QSKD1008892	Hồ Hữu	Huy		03-08-94	48.36.1221	48.10	48036-48036-48036	1 -	5,00	2,50	7,00	14,50	12130271
129	QSKD1008926	Võ Thanh	Huyền	x	15-04-94	53.01.1	53.03	53001-53001-53001	2NT-	5,25	6,00	4,00	15,50	12130272
130	QSBA 008975	Nguyễn Hữu	Danh		17-02-94	53.10.0	53.06	53010-53010-53010	2NT-	5,50	3,50	4,50	13,50	12130273
131	QSKD1009044	Võ Ngọc	Khánh		19-01-94	41.15.1219	41.01	41015-41015-41015	2 -	3,00	8,50	4,50	16,00	12130274
132	QSKD1009100	Văn Ngọc	Ký		18-10-86	99.99.558	32.07	32016-32016-32016	2 -	4,50	7,75	3,00	15,50	12130275
133	QSKD1009203	Lê Thị	Linh	x	10-01-94	42.02.443	42.01	42002-42002-42002	1 -	6,50	6,50	4,00	17,00	12130276
134	QSKD1009248	Lê Thị Khánh	Linh	x	10-12-94	52.01.90	52.01	52001-52001-52001	2 -	6,00	7,25	3,00	16,50	12130277
135	KSAA 009279	Phạm Minh	Tú		14-06-94	42.46.549	42.02	42046-42046-42046	1 -	6,25	4,00	5,25	15,50	12130278
136	SGDA 009304	Trần Thị	Nhang	x	00-06-94	46.27.2451	46.03	46027-46027-46027	1 -	3,50	4,50	5,50	13,50	12130279
137	DMSD1009355	Nguyễn Diệp Diễm	Thúy	x	19-07-94	53.G3.3101	02.22	53031-53031-53031	2NT-	5,00	5,25	3,50	14,00	12130280
138	QSDX1009438	Trần Hoàng	Phúc		02-04-94	02.59.38	37.01	02059-02059-02059	2 -	5,00	2,50	6,75	14,50	12130281
139	QSDX1009602	Trịnh Thị	Phương	x	24-08-93	98.39.10	42.05	42015-42015-42015	1 -	6,00	5,25	3,25	14,50	12130282
140	QSKD1009640	Trần Ngọc Thảo	Nguyễn	x	04-01-94	48.53.1284	48.01	48053-48053-48053	2 -	5,75	7,25	5,75	19,00	12130283
141	QSKD1009943	Trần Minh	Phương	x	14-10-94	02.30.31	02.09	02030-02030-02030	2 -	5,00	6,00	3,25	14,50	12130284
142	GTSA 010149	Nguyễn Văn	Hoàng		30-05-93	52.G2.18001	25.10	52018-52018-52018	2NT-	4,25	4,50	4,50	13,50	12130285
143	QSDX1010497	Phạm Văn	Thuận		20-05-92	99.99.661	26.07	26047-26010-26010	2NT-	4,75	6,50	3,00	14,50	12130286
144	QSKD1010601	Trương Thị Ngọc	Thương	x	27-08-94	02.30.50	44.05	02030-02030-02030	2 -	6,50	4,50	3,50	14,50	12130287
145	QSKD1010926	Nguyễn Lê Minh	Trung		05-11-94	49.08.14	49.12	49008-49008-49008	2NT-	6,00	6,75	6,50	19,50	12130288
146	QSKD1010972	Lê Huỳnh Anh	Tuấn		17-11-94	48.27.1166	48.09	48027-48027-48027	2NT-	6,00	6,50	3,00	15,50	12130289
147	QSKD1011122	Hồ Thị Nhã	Vi	x	08-02-93	98.05.1	50.11	50112-50112-50112	1 -	5,00	6,00	3,75	15,00	12130290
148	QSKD1011154	Trần Quang	Vinh		15-06-94	48.04.1085	48.01	48004-48004-48004	2 -	5,00	6,25	4,50	16,00	12130291
149	DMSD1011275	Trần Hoàng	Tuấn		09-07-94	48.58.2926	48.06	48058-48058-48058	2 -	5,00	6,75	4,00	16,00	12130292
150	QSDX1011617	Châu Phạm Minh	Tùng		01-06-94	53.19.9	53.06	53019-53019-53019	2NT-	6,25	8,25	4,25	19,00	12130293

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỌ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
151	DMSA 011739	Trần Trung	Thuật		20-06-94	49.09.13	49.13	49009-49009-49009	1 -	4,50	3,50	5,75	14,00	12130294
152	KSAA 011881	Đặng Trung	Tuấn		06-09-93	55.47.53	51.10	51039-51039-51039	1 -	6,00	4,75	5,00	16,00	12130295
153	QSKD1012024	Nguyễn Trọng	Trí		20-11-94	37.26.47192	37.06	37026-37026-37026	2NT-	5,00	6,00	3,00	14,00	12130296
154	QSKD1012093	Dương Tuấn	Vũ		08-10-94	39.07.215	39.01	39007-39007-39007	2 -	4,50	7,00	3,50	15,00	12130297
155	DMSA 012128	Phạm Thị Ngọc	Thư	x	28-11-94	41.38.37	41.03	41038-41038-41038	2NT-	4,00	4,75	4,50	13,50	12130298
156	KSAA 012148	Dương Bình	Học		18-04-94	39.06.75	39.07	39006-39006-39006	2NT-	3,75	7,50	6,75	18,00	12130299
157	QSKD1012198	Nguyễn Thị	Lĩnh	x	01-06-94	30.41.734	30.08	30041-30041-30041	2NT-	5,50	6,50	3,00	15,00	12130300
158	LPSD1012301	Nguyễn Hoàng Minh	Đức		25-01-94	02.13.0	02.01	- -	3 -	4,25	7,75	4,75	17,00	12130301
159	LPSD1012541	Đoàn Quốc	Hiệp		15-03-94	02.51.0	02.15	- -	3 -	6,75	6,50	3,75	17,00	12130302
160	SPSD1012691	Trần Hải Yến	Nhi	x	04-08-94	. 59	49.12	49008-49008-49008	2NT-	5,25	5,25	4,00	14,50	12130303
161	DMSD1012847	Trần Yến	Nhi	x	00-00-93	60.05.2588	60.06	60005-60005-60005	1 -	5,25	6,25	4,00	15,50	12130304
162	KSAA 012871	Nguyễn Thị	Thơ	x	10-03-94	35.20.186	35.05	35020-35020-35020	2NT-	5,00	4,25	5,00	14,50	12130305
163	SPSD1012929	Nguyễn Thanh	Danh		31-10-94	49.08.64	49.12	49008-49008-49008	2NT-	5,00	8,50	3,25	17,00	12130306
164	LPSD1012975	Dịp Mỹ	Linh	x	10-10-94	48.18.0	48.05	- -	1 -	4,50	5,75	3,75	14,00	12130307
165	SPSD1013100	Lưu Hào	Hiệp		08-11-94	48.68.1724	48.07	48068-48068-48068	1 -	5,00	4,00	6,00	15,00	12130308
166	KSAA 013211	Lê Duy	Nguyên		10-01-94	34.37.1540	34.08	34037-34037-34037	2NT-	5,75	3,50	5,25	14,50	12130309
167	GTSA 013272	Trần Thế	Cường		07-02-94	39.08.171	39.09	39008-39008-39008	2NT-	4,50	4,50	5,50	14,50	12130310
168	LPSD1013326	Lê Thị Bích	Ngọc	x	11-01-88	98.25.2	02.17	02011-02011-02011	3 -	5,00	5,00	5,25	15,50	12130311
169	SPSD1013336	Phạm Khánh	Minh		04-09-94	. 11	02.13	02173-02173-02173	3 -	5,00	4,75	5,50	15,50	12130312
170	LPSD1013397	Trương Hoàng	Nhân		11-07-94	56.11.0	56.09	- -	1 -	4,50	5,50	4,50	14,50	12130313
171	LPSD1013886	Ngô Tấn	Thanh		19-05-94	02.48.0	02.14	- -	3 -	5,00	5,25	5,75	16,00	12130314
172	SGDA 013895	Lê Thanh	Thuận		28-12-94	46.26.2434	46.05	46026-46026-46026	1 -	3,75	5,50	4,50	14,00	12130315
173	DMSA 013917	Võ Thanh	Trúc	x	09-01-94	56.02.562	56.01	56002-56002-56002	2 -	4,25	4,50	5,25	14,00	12130316
174	DMSD1014136	Lê Đình	Tĩnh		23-01-94	37.50.18510	37.06	37026-37050-37050	2NT-	4,25	6,00	4,50	15,00	12130317
175	MBSD1014271	Nguyễn Trần Huy	Bảo		26-03-94	53.07.1	53.04	53007-53007-53007	2NT-	6,00	4,00	4,75	15,00	12130318
176	DMSD1014415	Hồ Thị	Lan	x	29-06-94	29.32.78981	29.06	29032-29032-29032	1 -	6,00	2,50	4,75	13,50	12130319
177	LPSD1014512	Phạm Bảo	Trọng		02-10-94	42.02.0	42.01	- -	1 -	3,50	6,50	4,25	14,50	12130320
178	LPSD1014543	Nguyễn Thị Thu	Trúc	x	09-10-94	43.02.0	43.01	- -	1 -	5,00	4,25	4,00	13,50	12130321
179	MBSD1014739	Đình Thế	Dũng		04-02-94	42.45.731	42.02	42047-42045-42045	1 -01	3,00	5,75	3,25	12,00	12130322
180	NLSA 014855	Trần Thị Mỹ	Tiên	x	24-04-94	58.09.2	58.07	58009-58009-58009	1 -	5,00	4,00	3,75	13,00	12130323

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỌ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
181	DMSA 014952	Bùi Tiến	Viễn		25-10-94	47.06.52	47.06	47006-47006-47006	1 -	5,50	4,25	5,75	15,50	12130324
182	QSBA 015060	Trần Thị Mỹ	Duyên	x	01-02-93	02.95.13	57.02	57015-57015-57015	2 -	4,25	4,00	6,50	15,00	12130325
183	LPSD1015128	Hồ Quốc	Khánh		25-08-89	39.00.0	39.01	- -	2 -	5,00	4,00	5,25	14,50	12130326
184	LPSD1015141	Lê Thị Bích	Liên	x	22-12-94	38.09.0	38.01	- -	1 -	6,00	5,25	3,25	14,50	12130327
185	LPSD1015256	Võ Trường	Sinh		24-06-94	34.03.0	34.17	- -	2 -	6,00	6,75	2,50	15,50	12130328
186	SGDA 015268	Võ Thị Thuỳ	Trang	x	31-05-94	41.30.656	41.06	41030-41030-41030	2 -	5,50	5,25	4,75	15,50	12130329
187	LPSD1015402	Bùi Trường	Văn		26-01-94	37.26.0	37.06	- -	2NT-	7,00	3,25	6,00	16,50	12130330
188	MBSD1015443	Nguyễn Thị	Hồng	x	15-09-94	28.50.68	28.15	28047-28047-28047	2NT-	5,25	5,00	3,50	14,00	12130331
189	SPKA 016569	Nguyễn Thanh	Nam		26-09-94	35.17.242	35.03	35017-35017-35017	2NT-	4,00	4,50	4,75	13,50	12130332
190	MBSD1016979	Võ Thị Hồng	Nguyên	x	06-02-94	46.21.296	46.09	46021-46021-46021	1 -	4,75	6,75	2,00	13,50	12130333
191	SGDA 017055	Nguyễn Thanh	Tú		20-10-94	53.27.0	53.08	53027-53027-53027	2NT-	4,50	4,50	4,25	13,50	12130334
192	SPKA 017838	Nguyễn Khắc	Tường		01-07-94	39.10.275	39.04	39010-39010-39010	2NT-	4,75	4,25	5,75	15,00	12130335
193	HUIA 018250	Nguyễn Hồng	Trương		10-03-94	48.18.413	48.05	48018-48018-48018	1 -	4,50	3,50	4,75	13,00	12130336
194	SPSD1018343	Trần Hoàng	Oanh	x	09-10-94	. 52287	37.10	37018-37018-37018	2NT-	4,50	6,25	4,50	15,50	12130337
195	MBSD1018484	Đỗ Thị Thu	Thủy	x	24-3/-94	40.36.491	40.07	40063-40063-40063	1 -	6,50	3,50	3,50	13,50	12130338
196	MBSD1019678	Nguyễn Thị Hồng	Văn	x	08-04-94	35.21.194	35.05	35021-35021-35021	2NT-	5,50	6,25	3,50	15,50	12130339
197	BKAD1020151	Hoàng Văn	Hải		01-04-94	25.69.2	25.09	25069-25069-25069	2NT-	6,00	4,50	3,25	14,00	12130340
198	DDKA 020226	Ngô Quý	Ngừng		29-06-94	33.37.0	33.02	- -	1 -	4,00	4,75	4,50	13,50	12130341
199	QSBA 020237	Nguyễn Quốc	Oai		26-04-94	30.26.670	30.03	30026-30026-30026	1 -	3,50	5,75	5,00	14,50	12130342
200	DQND1020376	Trần Thị Mĩ	Duyên	x	15-06-94	39.29.162	39.08	39029-39029-39029	2NT-	6,00	4,75	3,50	14,50	12130343
201	DTTA 020843	Hồ Thị Tuyết	Ngân	x	20-01-94	02.59.0	02.18	02059-02059-02059	2 -	4,50	5,25	5,00	15,00	12130344
202	MBSD1020955	Nguyễn An	Toàn		30-01-94	37.26.40811	37.06	37026-37026-37026	2NT-	5,50	4,50	4,00	14,00	12130345
203	DDKA 024842	Võ Văn	Thắng		20-12-93	34.33.0	34.06	- -	2NT-	5,50	5,25	2,50	13,50	12130346
204	SGDD1029803	Ngô Kim	Châu	x	30-11-92	98.21.430	46.09	46021-46021-46021	1 -	4,75	7,50	3,00	15,50	12130347
205	SGDD1030019	Nguyễn Mạnh	Cường		19-09-94	50.11.11001	50.01	50110-50110-50110	2 -	4,00	6,75	4,50	15,50	12130348
206	SGDD1030466	Nguyễn Tấn	Duy		12-04-94	35.29.798	35.10	35029-35029-35029	2NT-	5,25	5,50	5,25	16,00	12130349
207	SGDD1030491	Võ Thành	Duy		10-07-94	53.06.22	53.04	53006-53006-53006	2NT-	4,50	6,50	5,00	16,00	12130350
208	SGDD1030670	Đặng Mỹ	Duyên	x	10-01-93	98.05.233	48.08	48023-48023-48023	2NT-	4,75	6,75	3,00	14,50	12130351
209	SGDD1032505	Nguyễn Phan Anh	Huy		01-09-94	41.17.406	41.01	41017-41017-41017	2 -	4,00	5,25	5,50	15,00	12130352
210	SGDD1033186	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa		24-05-93	02.00.190	02.15	02039-02039-02039	3 -	3,25	7,50	5,00	16,00	12130353

NGÀNH:D480201 - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NG.SINH	MÃ HS	HỘ KHẨU	LỚP 10-11-12	KV-ĐT	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC	MÃ SINH VIÊN
211	SGDD1033499	Trần Thanh	Lâm		15-04-94	47.31.3	47.04	47031-47031-47031	1 -	5,50	6,50	4,00	16,00	12130354
212	SGDD1034255	Võ Tấn	Lộc		02-11-94	47.29.2	47.10	47029-47029-47029	1 -	5,00	5,25	4,50	15,00	12130355
213	SGDD1034434	Trần Thị Hương	Lý	x	13-09-94	44.24.51	44.05	44024-44024-44024	2NT-06	5,75	4,50	4,00	14,50	12130356
214	SGDD1036013	Khru Trọng	Nhân		23-04-94	02.75.101	02.22	02075-02075-02075	2 -	4,00	6,25	6,00	16,50	12130357
215	SGDD1036606	Dương Huỳnh	Như	x	17-11-94	53.19.0	53.06	53019-53019-53019	2NT-	6,25	5,75	3,00	15,00	12130358
216	SGDD1037535	Trần Hùng Đình	Quân		14-09-94	02.16.109	02.08	02016-02016-02016	3 -	5,25	7,25	5,00	17,50	12130359
217	SGDD1038320	Dương Thiên	Thanh	x	11-02-94	53.10.11	53.05	53010-53010-53010	2NT-	6,50	5,25	4,00	16,00	12130360
218	SGDD1039040	Nguyễn Thị Bích	Thiệt	x	18-03-93	98.05.322	47.08	47008-47008-47008	1 -	4,75	6,75	3,00	14,50	12130361
219	SGDD1046778	Huỳnh Khánh	Hiếu		01-12-94	60.09.1174	60.01	60009-60009-60009	1 -	6,50	4,00	3,00	13,50	12130362
220	SGDA 048251	Đặng Thị	Nhật	x	18-07-94	35.24.509	35.07	35024-35024-35024	2NT-	4,00	3,50	6,00	13,50	12130363
221	SGDD1049706	Nguyễn Xuân	Chỉnh		20-02-94	37.12.49639	37.11	37012-37012-37012	1 -	5,25	5,00	3,50	14,00	12130364
222	SGDD1049711	Phạm Thanh	Cường		20-03-94	35.21.364	35.05	35021-35021-35021	2NT-	6,00	6,25	2,25	14,50	12130365
223	DDQD1053917	Nguyễn Trung	Hiếu		14-02-94	35.20.0	35.05	- -	2NT-	5,00	7,50	2,50	15,00	12130366

Cộng Ngành : D480 223 Thí sinh. Trong đó, Khối A: 125 Khối B: 0 Khối D1: 98 Khối D3: 0 HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH